

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của khu nước trước cảng, vũng quay trở tàu và luồng ra/vào cảng Hydrocarbon thuộc dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam

VTU - 56 - 2023

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng ra/vào cảng Hydrocarbon

Căn cứ Đơn đề nghị số 231586/LSP-MT ngày 27/12/2023 của Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật của khu nước trước cảng, vũng quay trở tàu và luồng ra/vào cảng Hydrocarbon thuộc dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu nước trước cảng, vũng quay trở tàu và luồng ra/vào cảng Hydrocarbon thuộc dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam như sau:

1. Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải rộng 220 m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, như sau:

1.1. Tìm luồng được xác định bởi các điểm có tọa độ

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CM0	10°24'03,2" N	107°02'06,2" E	10°23'59,5" N	107°02'12,6" E
CM1	10°24'15,5" N	107°02'08,4" E	10°24'11,8" N	107°02'14,9" E
CM2	10°25'42,9" N	107°02'24,7" E	10°25'39,3" N	107°02'31,2" E

1.2. Khống chế biên luồng được xác định bởi các điểm có tọa độ

- Biên phải luồng

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
M0	10°23'55,7" N	107°02'13,2" E	10°23'52,0" N	107°02'19,7" E
M1	10°24'11,4" N	107°02'11,3" E	10°24'07,7" N	107°02'17,8" E
M3	10°25'34,8" N	107°02'26,9" E	10°25'31,1" N	107°02'33,3" E

- Biên trái luồng

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
M2	10°24'24,1" N	107°02'06,4" E	10°24'20,5" N	107°02'12,8" E
M4	10°25'36,1" N	107°02'19,8" E	10°25'32,4" N	107°02'26,2" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 13,17 m.



2. Trong phạm vi khảo sát khu nước neo đậu tàu số 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N2	10°25'59,7" N	107°02'19,3" E	10°25'56,0" N	107°02'25,8" E
N3	10°26'02,3" N	107°02'18,9" E	10°25'58,6" N	107°02'25,4" E
N4	10°26'03,7" N	107°02'19,7" E	10°26'00,0" N	107°02'26,1" E
N5	10°26'05,7" N	107°02'19,4" E	10°26'02,0" N	107°02'25,8" E
N6	10°26'06,8" N	107°02'18,4" E	10°26'03,1" N	107°02'24,9" E
N7	10°26'10,1" N	107°02'17,9" E	10°26'06,4" N	107°02'24,4" E
M11	10°26'10,7" N	107°02'22,0" E	10°26'07,0" N	107°02'28,4" E
M9	10°26'10,0" N	107°02'22,5" E	10°26'06,3" N	107°02'29,0" E
M7	10°26'00,1" N	107°02'26,2" E	10°25'56,4" N	107°02'32,6" E
M5	10°25'46,2" N	107°02'32,6" E	10°25'42,5" N	107°02'39,1" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 11,57 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước neo đậu tàu số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N14	10°25'60,0" N	107°02'19,0" E	10°25'56,3" N	107°02'25,5" E
N13	10°25'59,9" N	107°02'18,8" E	10°25'56,3" N	107°02'25,3" E
N12	10°26'02,3" N	107°02'18,5" E	10°25'58,6" N	107°02'24,9" E
N11	10°26'02,9" N	107°02'17,4" E	10°25'59,2" N	107°02'23,9" E
N10	10°26'05,9" N	107°02'17,0" E	10°26'02,2" N	107°02'23,4" E
N9	10°26'06,7" N	107°02'17,6" E	10°26'03,0" N	107°02'24,1" E
N8	10°26'10,0" N	107°02'17,2" E	10°26'06,3" N	107°02'23,6" E
M12	10°26'09,3" N	107°02'12,7" E	10°26'05,6" N	107°02'19,1" E
M10	10°26'07,6" N	107°02'11,1" E	10°26'04,0" N	107°02'17,5" E
M8	10°25'58,1" N	107°02'12,4" E	10°25'54,4" N	107°02'18,9" E
M6	10°25'41,0" N	107°02'16,4" E	10°25'37,4" N	107°02'22,9" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt 15,76 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến Hydrocarbon số 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10°26'01,4" N	107°02'20,0" E	10°25'57,7" N	107°02'26,5" E
A2	10°26'01,6" N	107°02'21,5" E	10°25'58,0" N	107°02'27,9" E
A3	10°26'08,1" N	107°02'20,5" E	10°26'04,4" N	107°02'27,0" E
A4	10°26'07,9" N	107°02'19,1" E	10°26'04,2" N	107°02'25,5" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,96 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước bên Hydrocarbon số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A5	10°26'09,8" N	107°02'16,4" E	10°26'06,2" N	107°02'22,8" E
A6	10°25'58,9" N	107°02'18,0" E	10°25'55,2" N	107°02'24,4" E
A7	10°25'58,1" N	107°02'12,8" E	10°25'54,5" N	107°02'19,3" E
A8	10°26'07,5" N	107°02'11,5" E	10°26'03,8" N	107°02'17,9" E
A9	10°26'08,9" N	107°02'12,8" E	10°26'05,3" N	107°02'19,3" E
A10	10°26'09,1" N	107°02'13,8" E	10°26'05,4" N	107°02'20,2" E
A11	10°26'09,5" N	107°02'14,1" E	10°26'05,8" N	107°02'20,5" E

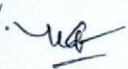
- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,11 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vùng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính D=520 m, tâm CM2 tại vị trí có tọa độ:

Tâm vùng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
CM2	10°25'42.9" N	107°02'24.7" E	10°25'39.3" N	107°02'31.2" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 13,27 m.

Số liệu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ LSP_2312_01 đến LSP_2312_06 tỷ lệ 1/1.000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn ⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH ^{Năng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

0101379C
ÔNG
TY BẢO ĐẢM
NHÀNG HẢI
MIỀN NAM
T. B. RI. A. V. U. N. A. M.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 20 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 25 P. Cảnh sát giao thông đường thủy – Vũng Tàu
- 26 Sở GTVT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 27 Sở NN&PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 28 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 30 Cty TNHH Hóa dầu Long Sơn.

(¹) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



VI trí độ sâu luồng ra vào cảng Hydrocarbon

Kèm theo TBHH số: 315 /TBHH-TCTBĐATHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Tích từ bình đồ độ sâu kỹ thuật LSP_2312_04, tỷ lệ 1/1.000

Kinh tuyến trục 106, mũi chiếu 3